Tháo gỡ nút thắt cho tăng trưởng kinh tế năm 2014

LÊ QUỐC LÝ

Năm 2014, nền kinh tế Việt Nam đã có những nét khởi sắc báo hiệu một năm có khả năng đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế khả quan và phát triển nhanh, ổn định. Tuy nhiên, kết quả phát triển kinh tế trong 5 năm trở lại đây chưa đạt được như mong muốn. Bài viết chỉ ra một số giải pháp ngắn hạn để lấy lại tốc độ tăng trưởng kinh tế cao (ở mức 7-9%) và sự phát triển bền vững.

1. Điểm lược phát triển kinh tế năm 2013

Bước vào đầu năm 2013, nền kinh tế Việt Nam đứng trước bối cảnh tiềm ẩn nhiều bất ổn kinh tế vĩ mô, sức ép lạm phát lớn, nợ xấu gia tăng. Để vượt qua khó khăn đó, chúng ta đã tiếp tục đẩy mạnh tiến trình tái cơ cấu nền kinh tế và đến cuối năm đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, đó là ổn định kinh tế vĩ mô, tăng trưởng kinh tế ở mức kế hoạch và bảo đảm an sinh xã hội. Cụ thể là trong 15 chỉ tiêu kế hoạch đề ra, Việt Nam đạt và vượt được 11 chỉ tiêu, có 3 chỉ tiêu đạt xấp xỉ kế hoạch và một chỉ tiêu không đạt[1]. Sự thành công của kinh tế năm 2013 được thể hiện ở một số điểm sau:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2013 đạt 5,42%, chặn đà suy giảm tăng trưởng từ năm 2010, cao hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2012 và 2011 (năm 2006 đạt 8,23%; năm 2007 đạt 8,46%; năm 2008 đạt 6,31%; năm 2009 đạt 5,32%; năm 2010 đạt 6,42%; năm 2011 là 5,89%; năm 2012 là 5,25%).

- Nền kinh tế được ổn định, tỷ lệ lạm phát ở mức thấp nhất trong vòng 10 năm trở lại đây, đó là CPI ở mức 6,04% (năm 2006 là 6,6%; năm 2007 là 12,6%; năm 2008 là 19,89%; năm 2009 là 6,8%; năm 2010 là 11,75%; năm 2011 là 18,13%; năm 2012 là 6,81%); trong đó nhóm hàng có quyền số tính CPI cao nhất là lương thực (8,18%), thực phẩm (24,35%) và ăn uống ngoài gia đình (7,4%) có chỉ số giá giảm.

- Bảo đảm được thị trường tiền tệ cơ bản ổn định. Chính sách tiền tệ đã được điều hành linh hoạt, thận trọng, bảo đảm kiềm chế lạm phát và từng bước hạ lãi suất, ổn định thị trường tiền tệ, góp phần tháo gỡ cho sản xuất kinh doanh. Cụ thể là: tốc độ tăng của tổng phương tiện thanh toán ở mức hợp lý 18,5% so với cuối năm 2012 (năm 2006 là 32,0%; năm 2007 là 41,2%; năm 2008 là 20,3%; năm 2009 là 27,5%; năm 2010 là 29,8%; năm 2011 là 12%; năm 2012 là 22,4%); cao hơn so mức định hướng kế hoạch là tăng từ 14-16% cho cả năm 2013. Huy động vốn năm 2013, tăng 19,78% so với cuối năm 2012, trong đó huy động vốn bằng nội tệ tăng 19,92% và huy động vốn bằng ngoại tệ tăng 18,96%. Tăng trưởng tín dụng cũng có diễn biến tích cực, dư nợ tín dụng tăng 12,5% so với cuối năm 2012 và cao hơn 0,5% so với kế hoạch báo cáo Quốc hội. Trên lĩnh vực tiền tệ cũng đã đạt được một số mặt khả quan như:

+ Xử lý nợ xấu của hệ thống ngân hàng đã đạt được những kết quả bước đầu. Đã xử lý được trên 101 nghìn tỷ đồng nợ xấu bằng dự

Lê Quốc Lý, PGS.TS., Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

1. 3 chỉ tiêu đạt xấp xỉ kế hoạch là tốc độ tăng trưởng GDP (5,42%/5,5%), tạo việc làm, tỷ lệ lao động qua đào tạo, 1 chỉ tiêu không đạt kế hoạch là tỷ lệ bội chi ngân sách nhà nước (5,3%/4,8%).

phòng rủi ro của các tổ chức tín dụng. Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng (VAMC) đến hết năm 2013 mua 38,9 nghìn tỷ đồng nợ gốc (tính đến ngày 31-12-2013), tương đương 32,4 nghìn tỷ đồng giá trị trái phiếu đặc biệt của tổ chức tín dụng. Tốc độ tăng nợ xấu chậm lại. Tỷ lệ nợ xấu của hệ thống ngân hàng tăng từ 4,08% cuối năm 2012 lên 4,73% vào tháng 10-2013 và sau đó giảm xuống còn 3,63% vào cuối tháng 12-2013.

+ Tỷ giá được giữ tương đối ổn định trong tầm kiểm soát, ngoại trừ 4 đợt biến động mang tính ngắn hạn chủ yếu do ảnh hưởng của yếu tố tâm lý. Dự trữ ngoại hối nhà nước tăng. Thị trường tự do dần dần được thu hẹp, thị trường vàng được quản lý tốt hơn, giảm đáng kể tình trạng vàng hóa. Niềm tin vào giá trị đồng tiền Việt Nam được tăng lên.

- Năm 2013, đã đạt được tỷ lệ xuất siêu 0,008% tổng kim ngạch xuất khẩu, khoảng 10 triệu USD (nhập siêu năm 2010 là 12,6 tỷ USD, chiếm 17,4% tổng kim ngạch xuất khẩu; năm 2012 xuất siêu 749 triệu USD, chiếm 0,7% tổng kim ngạch xuất khẩu) với kim ngạch xuất khẩu đạt 132,135 tỷ USD. Kim ngạch xuất khẩu năm 2013 tăng 15,4% so với năm 2012. Cùng với diễn biến tích cực của dòng vốn FDI và ODA, và sự chuyển tiền một chiều ròng của khu vực tư nhân là những nhân tố cơ bản đưa cán cân thanh toán quốc tế tiếp tục thặng dư năm thứ hai liên tiếp sau nhiều năm thâm hụt.

HÌNH 1: **Tốc độ tăng trưởng kinh tế, CPI và tốc độ tăng tổng phương tiện thanh toán**

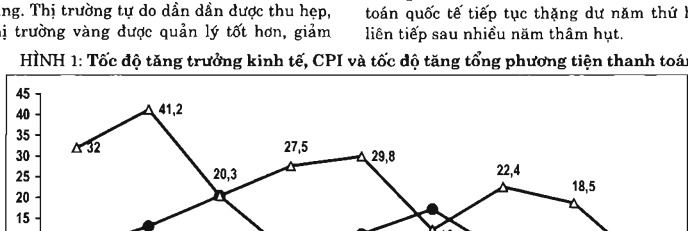

Nguồn: Tính toán của tác giả.

- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội năm 2013 đạt 1.091,1 nghìn tỷ đồng, bằng 30,4% GDP, cao hơn so với số đã báo cáo Quốc hội (1.075 nghìn tỷ đồng, bằng 29,1% GDP). Trong đó, vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước là 205,7 nghìn tỷ đồng (số đã báo cáo Quốc hội là 201,6 nghìn tỷ đồng); vốn trái phiếu chính phủ là 56,1 nghìn tỷ đồng (số đã báo cáo Quốc hội là 57,8 nghìn tỷ đồng); vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước là 46,9 nghìn tỷ đồng (số đã báo cáo Quốc hội là 53,4 nghìn tỷ đồng); vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước là 49,7 nghìn tỷ đồng (vốn tự có, đã báo cáo Quốc hội là 39,8 nghìn tỷ đồng), vốn đầu tư của dân cư và tư nhân là 410,5 nghìn tỷ đồng (số đã báo cáo Quốc hội là 407,4 nghìn tỷ đồng).

Năm 2013, vốn ODA và FDI đã tăng mạnh, cụ thể là vốn ODA cam kết là 6,431 tỷ USD, tăng 9,07% so với năm 2012, vốn giải ngân đạt 5,137 tỷ USD, tăng 23% so với năm 2013. Vốn FDI đăng ký năm 2013 là 22,35 tỷ USD, tăng 35,9% so với năm 2012 và vốn FDI giải ngân là 11,5 tỷ USD, tăng 9,9% so với năm 2012.

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2013 đã có những chuyển biến và kết quả khả quan. Chỉ số VN-Index tăng gần 23% và HN-Index tăng trên 13% so với cuối

năm 2012. Mức vốn hóa vào khoảng 964 nghìn tỷ đồng (tăng 199 nghìn tỷ đồng so với năm 2012), tương đương 31% GDP. Quy mô giao dịch mỗi phiên tăng bình quân 31%. Tổng giá trị huy động vốn (kể cả các phát hành riêng lẻ) ước đạt 222 nghìn tỷ đồng, tăng 25%; trong đó, cổ phiếu là 20,5 nghìn tỷ đồng, tăng 22% so với năm 2012; trái phiếu chính phủ đạt 177,5 nghìn tỷ đồng, tăng 24%. Tổng dòng vốn nước ngoài luân chuyển đạt 4,4 tỷ USD, tăng 54% so với năm 2012 và giá trị danh mục tăng khoảng 3,8 tỷ USD so với cuối năm 2012.

HÌNH 2: **Tốc độ tăng trưởng của công nghiệp - xây dựng, nông - lâm - ngư nghiệp và dịch vụ**

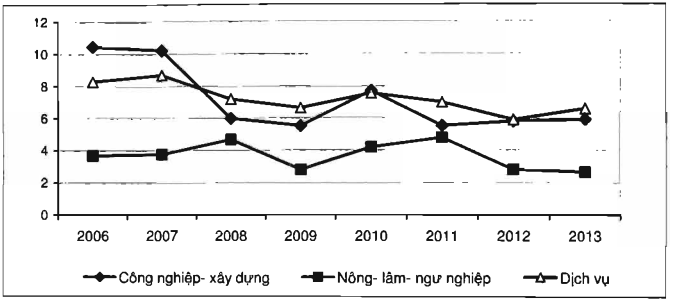

Nguồn: Tính toán của tác giả.

Xét theo các ngành kinh tế, có thể thấy năm 2013 có chuyển biến đáng ghi nhận, cụ thể là:

- Khu vực dịch vụ có tốc độ tăng trưởng khá đạt 6,57% (số báo cáo Quốc hội là 6,56%), cao hơn 5,9% năm 2012 và đóng góp lớn nhất vào tăng trưởng GDP (năm 2006 là 8,29%, năm 2007 là 8,68%, năm 2008 là 7,18%, năm 2009 là 6,63%, năm 2010 là 7,54%, năm 2011 là 6,99%, năm 2012 là 5,9%).

- Sản xuất công nghiệp có tốc độ tăng trưởng 5,9% so với năm 2012 (số đã báo Quốc hội là 5,6%), cao hơn năm 2012 (5,8%) (năm 2006 là 10,46%, năm 2007 là 10,22%, năm 2008 là 5,98%, năm 2009 là 5,52%; năm 2010 là 7,7%; năm 2011 là 5,53%, năm 2012 là 5,8%).

- Tốc độ tăng trưởng của sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2013 đạt 2,64% (năm 2006 là 3,69%, năm 2007 là 3,75%, năm 2008 là 4,68%, năm 2009 là 2,8%, năm 2010 là 4,2%, năm 2011 là 4,8%, năm 2012 là 2,8%).

- Năm 2013, 76.955 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với số vốn đăng ký 398,7 nghìn tỷ đồng, tăng 10,1% về số lượng, nhưng giảm 14,7% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước.

- Công tác an sinh xã hội cũng đạt được một số kết quả khả quan như thực hiện chi trả trợ cấp xã hội thường xuyên cho 2,6 triệu người với số kinh phí là 7.121 tỷ đồng. Chi trả trợ cấp ưu đãi thường xuyên, kịp thời cho 1,5 triệu người có công với Cách mạng. Tạo việc làm cho khoảng 1,543 triệu người, trong đó ở trong nước là 1,455 triệu người, xuất khẩu lao động đạt 88.155 người. Lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tăng 3,6% so với cuối năm 2012 và đạt 10.670 người, tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện tăng 16,4% so với cuối năm 2012, đạt 156 nghìn người. Mạng lưới y tế được tăng cường, chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân được nâng lên...

Mặc dù năm 2013, nền kinh tế nước ta đã đạt được nhiều kết quả khả quan nêu trên, nhưng cũng thấy rằng nền kinh tế vẫn còn nhiều bất cập và yếu kém:

- Hình 1 và hình 2 cho thấy, năm 2013, nền kinh tế nước ta vẫn còn ở mức thấp so với nhiều năm của giai đoạn 2006-2010, thể hiện ở tốc độ tăng trưởng kinh tế thấp, cụ thể là tốc độ tăng của các ngành kinh tế: công nghiệp- xây dựng, dịch vụ và nông - lâm - ngư nghiệp đạt được ở mức khá thấp so với trước đây. Đặc biệt là chất lượng tăng trưởng và hiệu quả của nền kinh tế còn thấp: hiệu quả sản xuất kinh doanh chưa cao, năng suất lao động chưa có dấu hiệu được cải thiện.

- Kinh tế vĩ mô còn chưa thật sự vững chắc, lạm phát tuy được kiềm chế nhưng nguy cơ tái phát vẫn còn. Thu ngân sách nhà nước gặp nhiều khó khăn, bội chi ngân sách nhà nước đã cao hơn mức kế hoạch. Nợ xấu của hệ thống ngân hàng chưa được giải quyết căn bản, VAMC chưa thật sự giải quyết nợ xấu cho các doanh nghiệp, nên đã gây khó khăn không ít cho các doanh nghiệp vay vốn làm ăn.

- Thị trường chứng khoán phát triển chưa bền vững. Thị trường bất động sản còn gặp nhiều khó khăn. Sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp. Khu vực công nghiệp tăng trưởng chậm. Sản xuất và xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp gặp nhiều khó khăn. Sản xuất của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp trong nước, còn nhiều khó khăn.

- Xóa đói, giảm nghèo chưa đạt được độ bền vững cao. Đời sống của nhân dân, người lao động, các đối tượng xã hội còn rất nhiều khó khăn; khoảng cách chênh lệch giàu nghèo giữa các vùng, nhóm dân cư còn lớn. Số lượng huyện, xã, thôn, bản nghèo trong diện đặc biệt khó khăn còn nhiều.

- Chất lượng chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân còn nhiều bất cập. Tình trạng thiếu giường bệnh còn phổ biến ở khá nhiều bệnh viện. Tỷ lệ bảo hiểm chưa cao, mới đạt gần 70% (số đã báo cáo Quốc hội là 71,2%), trong đó nhóm người cận nghèo, người có thu nhập trung bình tham gia bảo hiểm y tế còn thấp.

- Ngoài những tồn tại yếu kém nổi bật nêu trên, nền kinh tế nước ta còn nhiều bất cập khác như: chất lượng giáo dục còn thấp so với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; chất lượng, hiệu quả dạy nghề ở một số địa phương, cơ sở dạy nghề còn hạn chế; các tệ nạn xã hội, tội phạm còn xảy ra gây bức xúc trong nhân dân; tai nạn giao thông còn diễn biến phức tạp; công tác phòng chống tham nhũng chưa đạt yêu cầu...

Những yếu kém, tồn tại nêu trên là do một số điểm nghẽn và nút thắt đang tồn tại trong nền kinh tế nước ta trong năm 2013, cần phải tháo gỡ mới có huy vọng đưa nền kinh tế có tăng trưởng và phát triển cao, bền vững:

- Năm 2013, Việt Nam đã tiến hành tái cơ cấu nền kinh tế, tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước và tái cơ cấu hệ thống ngân hàng, nhưng thực tế các giải pháp đề ra còn có độ trễ, chưa đi vào cuộc sống được nhiều nên hiệu quả thực sự chưa được rõ nét; đồng thời, nhiều biện pháp triển khai chậm so với yêu cầu và kế hoạch đề ra, hoặc còn chưa phù hợp với thực tế của nền kinh tế. Hơn nữa, tái cơ cấu nền kinh tế chưa có bước đi và giải pháp cụ thể với những liều lượng phù hợp; nhiều địa phương, nhiều nơi còn lúng túng trong triển khai tái cơ cấu kinh tế, tái cơ cấu doanh nghiệp, tái cơ cấu ngân hàng, đặc biệt là tái cơ cấu nông nghiệp, nên các giải pháp chưa phát huy hiệu quả như mong muốn.

- Năm 2013, Việt Nam vẫn chưa có nhiều điểm đổi mới về thể chế kinh tế. Các luật, quy định về quản lý kinh tế vẫn còn chưa thay đổi một cách đồng bộ, phù hợp với yêu cầu của giai đoạn phát triển mới. Đặc biệt, về tư duy kinh tế vẫn chưa được đổi mới mạnh mẽ, nên dẫn đến thị trường còn nhiều méo mó, còn độc quyền, ách tắc. Nhiều địa phương vẫn chưa có giải pháp đổi mới để sửa đổi và hoàn thiện các quy định hiện hành đã lỗi thời và không phù hợp, gây nhiều khó khăn cho sản xuất kinh doanh.

- Nền kinh tế thiếu vốn trầm trọng, thiếu giải pháp phù hợp để tăng nguồn vốn cho đầu tư phát triển. Hầu hết các nguồn lực cho đầu tư phát triển đều bị hạn chế, trong đó hạn chế nhất là nguồn lực từ Nhà nước (vốn đầu tư toàn xã hội mới ở mức 30,5% GDP), trong khi chưa có biện pháp thực sự tăng hiệu quả đồng vốn. Nếu tổng nguồn vốn đầu tư phát triển xã hội (i) trên GDP mà giảm thì cần tăng hiệu quả sử dụng vốn (k) để bảo đảm tổng vốn đầu tư phát triển thực tế (I = ixk) cho nền kinh tế không đổi hoặc cao hơn thì mới bảo đảm nền kinh tế có tăng trưởng và phát triển như mong muốn.

- Một điểm nghẽn trong vấn đề này phải kể đến là xử lý nợ chưa có giải pháp căn bản. Thực tế chưa giúp được các doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn để có thể tiếp cận vay vốn cho tiếp tục sản xuất kinh doanh. Ngân hàng đã cắt giảm dư nợ tín dụng để kiểm chế lạm phát nhưng lại cắt giảm quá nhiều và đột ngột (năm 2012, dư nợ tín dụng chỉ tăng 12% so với năm 2011, và năm 2013 dư nợ tín dụng tăng 18,5% so với cuối năm 2012) nên làm cho nhiều doanh nghiệp không thể đứng được trước cú sốc lớn này khi mà vốn sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên 90% là vay từ ngân hàng.

- Chi phí đầu vào của các doanh nghiệp, các đơn vị sản xuất kinh doanh còn quá cao, trong khi bản thân các đơn vị này chưa có được các giải pháp giảm chi phí sản xuất phù hợp, khoa học và công nghệ chưa được áp dụng nhiều vào sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý, chưa có những cải tiến mang tính đột phá, cũng như chưa có biện pháp nâng cao năng suất lao động, hiệu quả hoạt động đã làm cho sức cạnh tranh của các doanh nghiệp này bị giảm sút nghiêm trọng.

- Môi trường đầu tư và kinh doanh ở Việt Nam trong năm 2013 thực sự vẫn chưa có những cải tiến, đổi mới cần thiết. Nhiều rào cản, ách tắc còn tồn tại và cản trở các hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả. Thói quan liêu, xa dân và một bộ phận cán bộ thoái hóa trong hệ thống công quyền vẫn còn tồn tại nên đã làm cho môi trường đầu tư và kinh doanh còn nhiều bất cập, chưa đạt được như yêu cầu đề ra.

- Các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp bán lẻ trong nước còn thiếu vốn, thiếu kinh nghiệm và thiếu kỹ năng quản trị doanh nghiệp hiệu quả. Dịch vụ logistic hỗ trợ cho khu vực phân phối chưa phát triển, dẫn đến tăng thêm chi phí qua hệ thống phân phối, làm giảm sức cạnh tranh của hàng hóa; tính liên kết giữa các doanh nghiệp trong ngành phân phối cũng như nhà phân phối- nhà sản xuất chưa chặt chẽ. Các hoạt động quản lý thị trường còn hạn chế, chưa kiểm soát triệt để được các hoạt động nhập lậu, hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, gây thiệt hại cho người sản xuất và người tiêu dùng trong nước.

- Nguồn lực huy động cho các chương trình xóa đói giảm nghèo còn nhiều hạn chế, chưa thật sự đáp ứng yêu cầu đặt ra. Tổng cầu của nền kinh tế tuy có chuyển biến nhưng chưa được cải thiện rõ rệt. Tâm lý tiêu dùng dè dặt, nhu cầu tiêu dùng thấp, cùng với thiệt hại do thiên tai đã tác động không thuận làm tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ đạt ở mức không cao (5,7%), thấp hơn mức tăng 6,5% của năm 2012.

2. Tình hình kinh tế 3 tháng đầu năm 2014 và những vấn đề đặt ra trong 9 tháng cuối năm 2014

Bước vào năm 2014, nền kinh tế nước ta tiếp tục kế thừa những thành công, những bất cập, yếu kém và cũng như những nút thắt của năm 2013 chuyển sang. Kết quả ba tháng đầu năm đã cho chúng ta thấy phần nào bức tranh kinh tế cả năm 2014. Ba tháng đầu năm 2014, nền kinh tế nước ta đã đạt được những kết quả khả quan, thể hiện trên một số mặt cơ bản sau:

- Ba tháng đầu năm 2014 có tỷ lệ lạm phát ở mức thấp, CPI tháng 3-2014 tăng 0,8% so với tháng 12-2013, tăng 4,39% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng thấp nhất trong vòng 10 năm qua; bình quân 3 tháng đầu năm tăng 4,83% so với cùng kỳ năm 2013. Cầu nội địa nói chung và sức mua thị trường nội địa nói riêng vẫn hồi phục chậm. Tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng quý I/2014 tăng chỉ 5,12%, mặc

dù cao hơn mức tăng cùng kỳ năm 2013 (4,5%) và 2012 (4,7%).

- Tổng phương tiện thanh toán đến ngày 20-3-2014 ước tăng 3,56% so với tháng 12-2013 (cùng kỳ năm 2013 tăng 3,85%), huy động vốn tính đến ngày 20-3-2014 tăng 2,7% so với cuối năm 2013 (huy động nội tệ tăng 2,78%, huy động ngoại tệ tăng 2,22%).

- Ba tháng đầu năm đã bảo đảm được xuất siêu (1,01 tỷ USD), tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 33,35 tỷ USD, tăng 14,1% so với cùng kỳ năm trước, tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 32,34 tỷ USD, tăng 12,4%.

- Tổng thu ngân sách nhà nước đạt khá so với cùng kỳ các năm, đạt 157.071 tỷ đồng, bằng 20,1% so với dự toán (năm 2011 đạt 21,2%, năm 2012 đạt 18,5%, năm 2013 đạt 16,7%). Tổng chi ngân sách nhà nước tính đến ngày 15-3-2014 đạt 184.580 tỷ đồng, bằng 18,3% dự toán, trong đó: chi đầu tư phát triển đạt 17,7% dự toán, chi trả nợ và viện trợ đạt 19,7% dự toán, chi phát triển sự nghiệp kinh tế- xã hội, an ninh, quản lý nhà nước đạt 18,8% dự toán... Quý I/2014, tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước 214,8 nghìn tỷ đồng, bằng 28,4% GDP và tăng 3,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực nhà nước đạt 78,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 36,5% tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 2,85 tỷ USD, tăng 5,6% so với cùng kỳ năm 2013. Vốn ODA và vốn vay ưu đãi giải ngân trong 3 tháng đầu năm 2014 ước đạt 364 triệu USD (trong đó vốn vay ước đạt 331 triệu USD, viện trợ không hoàn lại ước đạt 33 triệu USD), tăng 5% so với cùng kỳ.

- Tốc độ tăng trưởng GDP quý I/2014 tăng 4,96% so với cùng kỳ năm 2013, cao hơn mức tăng 4,76% của quý I/2013 và 4,75% của quý I/2012. Trong đó, khu vực nông - lâm - ngư nghiệp tăng 2,37%, đóng góp 0,32% vào mức tăng trưởng chung và cao hơn mức tăng 2,24% của quý I/2013; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 4,69%, đóng góp 1,88% và cao hơn mức 4,61% cùng kỳ năm 2013; khu vực dịch vụ tăng 5,95%, đóng góp 2,76% và cao hơn mức tăng 5,65% cùng kỳ.

Ngoài những kết quả đạt được nêu trên, thì 3 tháng đầu năm 2014, Việt Nam cũng đạt được một số kết quả khác. Tuy nhiên, thực tế nền kinh tế vẫn còn gặp nhiều khó khăn chưa giải quyết được căn bản, nhiều nút thắt của năm 2013 chuyển sang cũng chưa được xử lý như:

- Quý I/2014, mặc dù tốc độ tăng trưởng kinh tế có cao hơn cùng kỳ một vài năm trước đây, nhưng vẫn còn ở mức thấp so với mong muốn và so với khả năng nền kinh tế có thể đạt được, chưa có gì cải thiện về chất lượng tăng trưởng. Năng suất lao động và hiệu quả của nền kinh tế chưa có biểu hiện khá lên. Từ đầu năm đến nay đã có một số quy định, giải pháp được đề ra nhưng thể chế kinh tế cũng chưa được cải thiện, điểm mới còn bị hạn chế.

- Tình trạng thiếu vốn của nền kinh tế không được tháo gỡ so với năm 2013 và còn chưa được giải quyết tốt, thể hiện cả vốn từ hệ thống ngân hàng như: dư nợ tín dụng ba tháng đầu năm 2014 giảm 0,57% so với tháng 12-2013, thấp hơn cùng kỳ năm 2013 (cùng kỳ năm 2013 là 0,03%), trong đó: dư nợ tín dụng đối với nền kinh tế bằng đồng Việt Nam ước giảm 1,38%, bằng ngoại tệ ước đạt 4,62% (với tình trạng này thì dự báo cả năm dư nợ tín dụng đạt được 10-12% là khó); tổng phương tiện thanh toán không được cải thiện và có dấu hiệu giảm sút (nếu theo mức 3,56% ba tháng đầu năm để dự báo cả năm, thì tổng phương tiện thanh toán năm 2014 chỉ tăng 14,24%-15%, là thấp so với yêu cầu); tình trạng giải quyết nợ xấu cũng chưa có cải thiện nên gây khó khăn cho các doanh nghiệp vay vốn ngân hàng, làm cho nền kinh tế thiếu sức sống và thiếu năng động.

- Hàng tồn kho còn khá cao ở nhiều ngành, cụ thể như: ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tính đến ngày 1-3-2014 tăng 4,1% so với tháng trước và tăng 13,4% so với thời điểm năm trước; ngành sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tồn kho tăng 61,4%; sản xuất gas và sản phẩm tăng 53,6%; sản xuất kim loại tồn kho tăng 126,8%; tồn kho của ngành sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 32,2%; ngành

hóa chất và sản phẩm hóa chất có tồn kho tăng 54,2%... Với tỷ lệ tăng hàng tồn kho trong quý I/2014 như vậy thì khả năng tiêu thụ, lưu chuyển hàng hóa trong thời gian tới càng khó khăn.

- Khu vực dịch vụ 3 tháng đầu năm 2014 có tăng trưởng khá hơn hai lĩnh vực công nghiệp-xây dựng và nông-lâm-ngư nghiệp nhưng cũng chưa tăng cao như mong đợi. Dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 7,58%; thông tin và truyền thông tăng 9,2%; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội tăng 7,8%.

- Trong ba tháng đầu năm, bên cạnh có 18.358 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 97.983 tỷ đồng, thì có 16.745 doanh nghiệp gặp khó khăn phải giải thể hoặc đăng ký tạm ngừng hoạt động và ngừng hoạt động nhưng không đăng ký, tăng 9,6% so với cùng kỳ. Sắp xếp doanh nghiệp nhà nước đang tiến hành nhưng trong 3 tháng qua chưa được nhiều.

Với bức tranh 3 tháng đầu năm 2014 nêu trên có thể thấy: nền kinh tế đang trong xu thế bình ổn, các hoạt động về cơ bản diễn ra bình thường và đạt kết quả khá. Tuy nhiên, thực tế cũng cho thấy khó khăn còn nhiều và chưa có dấu hiệu chuyển biến rõ rệt, cần có giải pháp quyết liệt mới hy vọng 9 tháng còn lại của năm 2014 đạt được kết quả khả quan.

3. Giải pháp để phát triển kinh tế 9 tháng cuối năm 2014

Tình hình phát triển kinh tế năm 2013 và 3 tháng đầu năm 2014 cho thấy, nền kinh tế đang gặp phải rất nhiều nút thắt và điểm nghẽn, nếu không tháo gỡ được thì sẽ khó đạt mục tiêu đặt ra cho 9 tháng cuối năm 2014 và cho các năm tiếp theo. Vì vậy, cần phải tháo gỡ các nút thắt và điểm nghẽn như sau:

- Về dài hạn, cần đẩy mạnh đổi mới mạnh mẽ tư duy kinh tế, trong đó đổi mới tư duy trong xây dựng thể chế kinh tế. Cần có tư duy đột phá về kinh tế, cụ thể là tư duy xây dựng "nhà nước hiệu quả, thị trường năng động" làm thước đo cho xây dựng thể chế. Nhanh chóng loại bỏ những cơ chế, chính sách, quy định (các thể chế kinh tế) làm cho thị trường bị méo mó, sai lệch. Đẩy mạnh các giải pháp đưa thị trường trở thành thị trường hiện đại, năng động, và là môi trường thuận lợi tạo ra nhiều của cải vật chất cho xã hội, cho nền kinh tế với hiệu quả, chất lượng và năng suất cao. Đồng thời xây dựng thể chế kinh tế có sự huy động và phân phối nguồn lực hiệu quả nhất, phân phối thu nhập công bằng và tiến bộ. Xây dựng một thể chế kinh tế mang được đặc trưng ưu việt của chủ nghĩa xã hội và không mâu thuẫn, cản trở sự hoạt động hiệu quả của Nhà nước và năng động của thị trường. Yếu tố thị trường và xã hội chủ nghĩa phải kết hợp hài hòa thành động lực, sức mạnh để cho một nền kinh tế thực sự phát triển.

- Bảo đảm nền kinh tế tăng trưởng cao và ổn định, tức là cần tháo gỡ những yếu tố gây khó khăn cho tăng trưởng như vốn và các hỗ trợ khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh..., cũng như có các giải pháp phù hợp để bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô trong 9 tháng cuối năm, cụ thể là không nên có những quyết định đột ngột tăng giá xăng, giá điện, các loại phí, mà cần nhịp nhàng trong sự cân nhắc các yếu tố theo quan điểm hệ thống.

- Điểm nghẽn lớn nhất cho tăng trưởng của nền kinh tế chính là vấn đề vốn. Cả năm 2013 và ba tháng đầu năm 2014 cho thấy nền kinh tế đang thiếu vốn trầm trọng. Cần có biện pháp đưa vốn vào nền kinh tế, đặc biệt, đẩy mạnh giải ngân vốn ngân sách nhà nước đã được bố trí kế hoạch (thực tế lượng vốn này giải ngân quá chậm, năm 2013 thì dồn vào cuối năm và năm 2014 qua 3 tháng, giải ngân còn quá thấp). Đây là biện pháp phụ thuộc vào sự điều hành của Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương. Về chủ quan, nếu ta quyết liệt và có biện pháp phù hợp thì hoàn toàn có thể tháo gỡ được. Nếu lại để dồn đến cuối năm mới đẩy mạnh giải ngân thì sẽ khó có được kết quả cao. Về vốn ngân hàng, cần có giải pháp đưa vốn ra một cách hợp lý, với dự kiến kế hoạch dư nợ tín dụng năm 2014 tăng khoảng 18% -20% so với tháng 12-2013 thì hàng quý phải đưa tín dụng ngân hàng ra nền kinh tế ở mức khoảng 4,5%-5% (thực tế 3 tháng đầu năm 2014, lượng

dư nợ tín dụng này tăng trưởng âm, có nghĩa là vốn tín dụng không ra được thị trường (giảm 0,57% so với tháng 12-2013, trong đó, dư nợ tín dụng nội tệ giảm 1,38%). Cần tiến hành đưa vốn tín dụng ra nền kinh tế ngay từ đầu năm 2014. Để làm được việc này, cần quyết liệt trong việc xử lý nợ xấu, đặc biệt là xử lý nợ xấu để giúp các doanh nghiệp thoát ra được khó khăn để tiếp tục vay vốn để sản xuất kinh doanh, chứ không phải chỉ dừng ở việc làm sạch bảng cân đối của các ngân hàng thương mại.

- Điểm nghẽn tiếp theo cần quyết liệt xử lý đó là tất cả các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế phải thực sự cải tổ, cắt giảm tất cả các loại chi phí không cần thiết, khai thông thị trường, tổ chức lại sản xuất, áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến, hiệu quả hóa hệ thống tổ chức, đẩy mạnh tăng năng suất lao động... để bảo đảm giảm mạnh chi phí sản xuất, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp. Đối với các doanh nghiệp nhà nước, cần đẩy mạnh cổ phần hóa và loại bỏ độc quyền, bỏ ưu đãi.

- Rà soát toàn bộ các khâu để từng bước loại bỏ những rào cản, ách tắc trong kinh doanh do môi trường đầu tư và kinh doanh ở nước ta tạo ra. Cần có cơ chế thật sự thông thoáng và phù hợp để thu hút nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước bỏ vốn vào đầu tư và kinh doanh. Loại bỏ thói quan liêu, thờ ơ, vô trách nhiệm, tình trạng xa dân của cán bộ trong hệ thống công quyền.

- Tiến hành các giải pháp làm tăng tổng cung, kích thích tổng cầu và lưu hoạt hóa thị trường để tháo gỡ và giải quyết trình trạng hàng hóa tồn kho, đưa đến một thị trường lành mạnh, thông suốt như: đẩy mạnh đầu tư hoàn thành các công trình đang dở dang, các công trình quan trọng cũng như khai thông đầu tư cho sản xuất kinh doanh, tạo ra một sự năng động mới. Bên cạnh đó, đẩy mạnh tăng đầu tư hiệu quả để làm tăng nhu cầu tiêu dùng thông qua giải quyết tốt việc làm và khả năng có và tăng thu nhập cho người lao động...

- Mở rộng cửa để thu hút hơn nữa các nguồn lực bên ngoài vào đầu tư phát triển nền kinh tế như FDI, ODA và các nguồn lực cho giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường như cho các chương trình xóa đói, giảm nghèo, chống biến đổi khí hậu..., cũng như có giải pháp phân bổ và quản lý nguồn lực bên trong một cách hiệu quả nhất, tránh lãng phí, tham nhũng.

Như vậy, năm 2014 là năm bản lề để chuẩn bị cho Đại hội XII của Đảng và là năm thứ tư của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015, nếu không đạt được những kết quả vượt bậc thì kế hoạch 5 năm này khó có thể thành công và đặc biệt chuẩn bị điều kiện để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp hiện đại. Thế nhưng kết quả của 3 tháng đầu năm năm 2014 vẫn chưa rõ nét, nếu không quyết liệt tháo bỏ các điểm nghẽn, nút thắt thì nền kinh tế năm 2014 cũng sẽ gặp nhiều khó khăn như năm 2013 và kết quả cũng không được như mong muốn./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Văn kiện Đại hội XI.

2. Niêm giám thống kê năm 2012.

3. Báo cáo tình hình kinh tế-xã hội năm 2013. Bộ Kế hoạch và đầu tư.

4. Các báo cáo tổng quan tình hình kinh tế - xã hội các năm 2011, 2012 của Tổng cục Thống kê.